

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hoạt động in

Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018;

Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động in.¹

¹ Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.”

Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.”

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.² Nghị định này quy định về hoạt động in bao gồm: Điều kiện hoạt động cơ sở in; chế bản, in, gia công sau in; sao chụp (sau đây gọi là photocopy); nhập khẩu, quản lý thiết bị ngành in.

Hoạt động chế bản, in, gia công sau in đối với xuất bản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động in trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chế bản là tạo ra bản phim, bản can, khuôn in để in hoặc bản mẫu để photocopy.

2. In là sử dụng công nghệ, thiết bị để tạo ra sản phẩm in.

3. Gia công sau in là sử dụng công nghệ, thiết bị, công cụ, chuyên môn kỹ thuật để thực hiện các công việc gia công từ in thành sản phẩm in hoàn chỉnh theo bản mẫu.

4. Sản phẩm in là sản phẩm được tạo ra bằng công nghệ, thiết bị ngành in trên các loại vật liệu khác nhau, bao gồm:

a) Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí;

b) Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành;

c) Tem chống giả;

d) Hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền);

đ)³ Bãi bỏ;

e) Bao bì, nhãn hàng hóa;

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

g)⁴ Mẫu, biểu mẫu, giấy tờ, sách, sổ, tài liệu hướng dẫn sử dụng, giới thiệu, quảng cáo thiết bị, công cụ sản xuất, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; áp-phích, tờ rời, tờ gấp không phải là xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản.

h) Các sản phẩm in khác.

5.⁵ Thiết bị ngành in là máy móc, công cụ để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in, photocopy (sau đây gọi chung là thiết bị in), bao gồm:

a) Máy chế bản ghi phim, ghi kẽm, tạo khuôn in trong hoạt động in (thuộc mã HS 84.42);

b) Máy in sử dụng một trong các công nghệ (thuộc mã HS 84.43): Kỹ thuật số, ốp-xét (offset), flexo, ống đồng, letterpress, máy in lưới (lụa);

c) Máy gia công sau in (hoạt động bằng điện, thuộc mã HS 84.40, mã HS 84.41): Máy dao cắt (xén) giấy (bao gồm cả máy cắt bế định hình); máy gấp sách (gấp giấy); máy đóng sách (đóng thép hoặc khâu chỉ, phay gáy, keo nhiệt); máy vào bìa các loại; máy kỹ mã liên hợp; dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in; máy làm túi, bao hoặc phong bì; máy làm thùng bìa, hộp, hòm, thùng hình ống, hình trống hoặc đồ chứa;

d) Máy photocopy đa màu; máy in có chức năng photocopy đa màu đơn chức năng hoặc đa chức năng (thuộc mã HS 84.43).

6.⁶ Cơ sở in là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và chi nhánh của các loại hình này trực tiếp thực hiện đầy đủ hoặc từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in.

7.⁷ Cơ sở dịch vụ photocopy là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và chi nhánh của các loại hình này trực tiếp cung cấp dịch vụ photocopy.

⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

8. Người đứng đầu cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là người đại diện theo pháp luật được ghi tên tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Chủ sở hữu cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là tổ chức, cá nhân nắm giữ vốn của cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoặc là thành viên hợp danh trong trường hợp cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là công ty hợp danh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

10.⁸ Tuổi thiết bị là thời gian được xác định từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu của máy móc, thiết bị (tính theo năm); trong đó năm sản xuất ghi trên tem, nhãn hàng dưới hình thức in, dán, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên thiết bị; năm nhập khẩu là năm hàng hóa về đến cửa khẩu Việt Nam.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động in⁹

1. Khuyến khích, ưu đãi đầu tư ứng dụng công nghệ, kỹ thuật, thiết bị in tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, sức lao động và thân thiện với môi trường; hạn chế sử dụng, không sản xuất và nhập khẩu thiết bị in có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

2. Áp dụng chính sách ưu đãi về đầu tư, thuế, tiền thuê đất đối với hoạt động in phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ trọng yếu khác của đất nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động in

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách đối với hoạt động in.

2. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động in.

3. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động in.

4. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động in.

5. Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động in.

⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

6. Cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận; quản lý đăng ký, hoạt động của cơ sở in và quản lý khai báo, hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy trong hoạt động in.

7. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động in.

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động in.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in

Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động in, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động in.

2. Quản lý, tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động in; xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động in; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động in.

3. Quản lý, tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực in.

4. Cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận; xác nhận đăng ký và quản lý hoạt động của cơ sở in theo thẩm quyền.

5. Hướng dẫn, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và ban hành thống nhất các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động in.

6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tạm dừng việc chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in khi phát hiện sản phẩm in đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thành lập tổ chức liên ngành ở Trung ương về phòng, chống các hành vi vi phạm trong hoạt động in và lợi dụng hoạt động in để sản xuất hàng giả.

8. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động in theo quy định của pháp luật.

9. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động in theo thẩm quyền.

Điều 6. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định của Nhà nước về ưu đãi đầu tư đối với hoạt động in quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định ưu đãi về thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đối với hoạt động in và bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật để thực hiện quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động in.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh - trật tự, phòng chống tội phạm trong hoạt động in.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý thị trường trong hoạt động in.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác trong phạm vi chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền quy hoạch, kế hoạch phát triển hoạt động in tại địa phương; ban hành, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật và chính sách của Nhà nước đối với hoạt động in tại địa phương;

b) Hướng dẫn, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động in;

c) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép, giấy xác nhận; xác nhận đăng ký và quản lý hoạt động của cơ sở in; chỉ đạo việc quản lý khai báo và hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy tại địa phương theo thẩm quyền;

d) Thành lập tổ chức phối hợp liên ngành ở địa phương về phòng, chống các hành vi vi phạm trong hoạt động in và lợi dụng hoạt động in để sản xuất hàng giả;

đ) Yêu cầu tổ chức, cá nhân tạm dừng việc chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in khi phát hiện sản phẩm in đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động in tại địa phương theo quy định của pháp luật;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động in theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện quản lý khai báo và hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1.¹⁰ Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động theo loại hình doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm báo cáo định kỳ 01 năm/lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

2. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động theo loại hình hộ kinh doanh có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động in trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi có yêu cầu.

4.¹¹ Chủ thể, thời hạn, hình thức và cách thức thực hiện báo cáo:

a) Chủ thể thực hiện chế độ báo cáo và nơi nhận báo cáo:

Cơ sở in thuộc các bộ, cơ quan, tổ chức trung ương phải báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi Bộ Thông tin và Truyền thông; cơ sở in khác phải báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chi nhánh cơ sở in phải báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp phép hoặc xác nhận đăng ký hoạt động in; cơ sở dịch vụ photocopy báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (quận, thị xã hoặc đơn vị hành chính tương đương);

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

b) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thống kê, tổng hợp công tác quản lý nhà nước về hoạt động in tại địa phương và báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Đối với các chủ thể quy định tại điểm a khoản này gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 của năm liền sau năm báo cáo; đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm liền sau năm báo cáo;

đ) Hình thức và cách thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy có đóng dấu, chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức; báo cáo gửi qua đường bưu chính, nộp trực tiếp, qua thư điện tử (e-mail); trường hợp gửi qua thư điện tử, văn bản báo cáo phải là các tệp tin có định dạng Word hoặc Excel và kèm định dạng Pdf được quét (scan) từ văn bản giấy để so sánh, đối chiếu, bảo đảm tính chính xác của thông tin báo cáo.

Trường hợp có hệ thống báo cáo điện tử trực tuyến thì phải thực hiện báo cáo theo hệ thống điện tử trực tuyến.

Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in, giấy tờ khác có nội dung sau đây:

a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa li khai, gây hận thù, chia rẽ giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) ¹² Thông tin sai sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; sử dụng hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

¹² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động nhưng không có giấy phép hoạt động in, không đăng ký hoạt động, không khai báo hoạt động theo quy định của Nghị định này.

3. Lợi dụng hoạt động chế bản, in, gia công sau in, photocopy để tạo ra, phát tán trái phép sản phẩm in có nội dung vi phạm Khoản 1 Điều này; làm giả giấy tờ của cơ quan nhà nước; trực tiếp hoặc gián tiếp sản xuất hàng giả.

4. Chế bản, in, gia công sau in, photocopy vi phạm các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5.¹³ Bãi bỏ.

6.¹⁴ Nhập khẩu, sử dụng thiết bị in trái quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7.¹⁵ In, đặt in bao bì, nhãn hàng hoá của các sản phẩm mà các sản phẩm này thuộc loại phải có giấy phép lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận chất lượng theo quy định của pháp luật nhưng không có các loại giấy tờ này.

Các hành vi khác có liên quan bị cấm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xử lý vi phạm trong hoạt động in

1. Tổ chức có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động chế bản, in, gia công sau in, photocopy thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

¹³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

¹⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

4. Sản phẩm in có sai phạm thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị buộc khắc phục, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình; trường hợp quyết định sai, gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II HOẠT ĐỘNG IN

Mục 1 CƠ SỞ IN

Điều 11. Điều kiện hoạt động của cơ sở in

1. Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có đủ các điều kiện sau đây:

a)¹⁶ Bãi bỏ;

b)¹⁷ Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in hoặc tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in quy định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị định này;

c)¹⁸ Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in.

d)¹⁹ Bãi bỏ;

đ)²⁰ Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề

¹⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

¹⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

¹⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

¹⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

ng nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

e)²¹ Bãi bỏ;

2.²² Bãi bỏ;

3.²³ Bãi bỏ.

Điều 12. Cấp giấy phép hoạt động in

1.²⁴ Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in gửi cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in theo quy định sau đây:

a) Cơ sở in thuộc các bộ, cơ quan, tổ chức trung ương và cơ sở in thuộc các tổ chức doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Cơ sở in khác gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Đối với cơ sở in quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là chi nhánh có thực hiện chế bản, in, gia công sau in đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh thực hiện cấp giấy phép hoạt động in.

d) Hồ sơ gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải tuân thủ các quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp thực

²¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

hiện cấp giấy phép hoạt động in cho cơ sở in là chi nhánh không qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép hoạt động in, cơ quan cấp giấy phép phải gửi bản sao giấy phép cho cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở in đặt trụ sở chính để phối hợp quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in theo mẫu quy định;

b)²⁵ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập;

c)²⁶ Bãi bỏ;

d)²⁷ Bãi bỏ;

đ)²⁸ Bãi bỏ;

e)²⁹ Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định.

3.³⁰ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp giấy phép trong đó ghi rõ nội dung hoạt động in phù hợp với thiết bị của cơ sở in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Hồ sơ đề nghị cấp phép của cơ sở in không đầy đủ thông tin, thông tin không trung thực hoặc không thể hiện việc đáp ứng đủ điều kiện hoạt động quy định tại Điều 11 Nghị định này bị từ chối nhận hồ sơ cấp phép.

²⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²⁷ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

²⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

³⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

Cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in không phải đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. Trường hợp cơ sở in đề nghị cấp phép hoạt động in các sản phẩm quy định tại Nghị định này, đồng thời đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm mà cơ sở in có đủ điều kiện theo quy định của Luật Xuất bản thì cấp chung trên một giấy phép.

4.³¹ Bãi bỏ.

Điều 13. Cấp lại giấy phép hoạt động in và các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động in

1. Việc cấp lại giấy phép hoạt động in thực hiện như sau:

a)³² Cơ sở in phải đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép hoạt động in bị mất, bị hư hỏng.

Trường hợp có một trong các thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in thì cơ sở in phải có văn bản thông báo gửi qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in nơi đã cấp giấy phép về những thông tin thay đổi để bổ sung vào cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về hoạt động in. Trường hợp có thay đổi nêu trên mà cơ sở in đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in thì cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp lại giấy phép hoạt động in.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gồm có: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định; các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này; giấy phép hoạt động in đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

³¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

³² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Giấy phép hoạt động in bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở in không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này trong quá trình hoạt động mà cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã có văn bản yêu cầu cơ sở in tạm dừng hoạt động trong thời hạn 30 ngày để bổ sung đủ các điều kiện theo quy định;

b)³³ Bãi bỏ;

c) Cơ sở in không hoạt động trên 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in;

d) Cơ sở in chấm dứt hoạt động hoặc chia tách, sáp nhập, giải thể, bị phá sản.

3.³⁴ Việc thu hồi giấy phép hoạt động in phải được thực hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

a) Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra tại cơ sở in và lập biên bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra có văn bản báo cáo cơ quan đã cấp giấy phép hoạt động in;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu cơ sở in khắc phục nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động in trong thời hạn 30 ngày.

Hết thời hạn 30 ngày, nếu cơ sở in không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động in, thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy phép đã cấp.

c) Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cơ quan cấp giấy phép phải ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy phép đã cấp trong các

³³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

³⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

trường hợp sau: Trên 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in mà cơ sở in không hoạt động; cơ sở in tự chấm dứt hoạt động hoặc chia tách, sáp nhập, giải thể, bị phá sản.

Điều 14. Đăng ký hoạt động cơ sở in

1.³⁵ Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in không thuộc quy định tại các điểm a và điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

2.³⁶ Trước khi hoạt động, cơ sở in phải gửi Tờ khai đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in để cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo quy định sau đây:

a) Cơ sở in thuộc các bộ, cơ quan, tổ chức trung ương và cơ sở in thuộc các tổ chức doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Cơ sở in khác gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Đối với cơ sở in quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là chi nhánh có thực hiện chế bản, in, gia công sau in đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh thực hiện cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

d) Tờ khai gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải tuân thủ các quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in cho cơ sở in là chi nhánh không qua hệ thống

³⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

³⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

dịch vụ công trực tuyến thì trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in, cơ quan cấp giấy xác nhận phải gửi bản sao giấy xác nhận cho cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở in đặt trụ sở chính để phối hợp quản lý.

3.³⁷ Bãi bỏ.

4.³⁸ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin theo mẫu quy định đến cơ quan quản lý về hoạt động in để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

5.³⁹ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đăng ký của cơ sở in quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này, cơ quan quản lý về hoạt động in có trách nhiệm xác nhận đăng ký và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6.⁴⁰ Bãi bỏ.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở in và bên đặt in

1. Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định này trong quá trình hoạt động.

2. Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép hoạt động in hoặc tờ khai đăng ký hoạt động đã được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in xác nhận.

³⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

³⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

³⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁴⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

3.⁴¹ In và gia công sau in không vượt quá số lượng thành phẩm ghi trong hợp đồng.

4.⁴² Bãi bỏ.

5.⁴³ Lưu giữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in trong 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đối với các sản phẩm in được quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này. Hồ sơ lưu giữ gồm có:

a) Bản chính hợp đồng chế bản, in, gia công sau in quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Sản phẩm in hoàn chỉnh hoặc mẫu thiết kế được lưu giữ dưới một trong các hình thức: Bản giấy, bản điện tử, bản chụp hoặc bản scan. Bản điện tử, bản chụp hoặc bản scan là tệp tin được chứa trong đĩa CD, đĩa CD-ROM, USB, ổ cứng hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác;

c) Giấy tờ liên quan đến sản phẩm đặt in quy định tại Nghị định này.

6. Xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan đến hoạt động của cơ sở in, sản phẩm in và giải trình đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

7. Chấp hành việc báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động của cơ sở in, sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

8. Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ quản lý hoạt động in do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in tổ chức.

9. Báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi phát hiện sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in có nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

⁴¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁴² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁴³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

10. Tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; người đứng đầu cơ sở in phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của cơ sở in và sản phẩm in.

11.⁴⁴ Trách nhiệm bên đặt in.

Cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan đến sản phẩm đặt in theo quy định tại Nghị định này.

Mục 2

NHẬN CHẾ BẢN, IN, GIA CÔNG SAU IN

Điều 16. Điều kiện nhận chế bản, in, gia công sau in⁴⁵

1. Có hợp đồng chế bản, in, gia công sau in.
2. Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in khi cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp đủ các giấy tờ liên quan đến sản phẩm nhận in theo quy định tại Nghị định này.

Điều 17. Nhận chế bản, in, gia công sau in ấn phẩm báo chí

Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in khi tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp các loại giấy tờ theo quy định sau đây:

1. Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động báo chí đối với sản phẩm in là báo, tạp chí.

⁴⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁴⁵ Khoản 1 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018; Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Bản sao có chứng thực giấy phép xuất bản bản tin đối với sản phẩm in là bản tin và các ấn phẩm báo chí khác.

Điều 18.⁴⁶ Bãi bỏ.

Điều 19. Nhận chế bản, in, gia công sau in hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá⁴⁷

1. Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá khi tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật chuyên ngành về các yêu cầu thủ tục khi in sản phẩm đó.

2. Tổ chức, cá nhân có sản phẩm đặt in phải chịu trách nhiệm về sản phẩm đặt in với cơ sở in.

Điều 20. Nhận chế bản, in, gia công sau in tem chống giả

1. Đối với tem chống giả do cơ quan nhà nước ban hành phải có bản sao có chứng thực quyết định ban hành mẫu tem chống giả.

2. Đối với tem chống giả do tổ chức, cá nhân phát hành nhằm bảo vệ sản phẩm, hàng hóa của mình phải có:

a) Văn bản đồng ý đặt chế bản, in, gia công sau in của tổ chức, cá nhân ban hành tem chống giả;

b) ⁴⁸ Bản chụp hình ảnh tem chống hàng giả có xác nhận của tổ chức, cá nhân ban hành tem.

Điều 21.⁴⁹ Bãi bỏ.

Điều 22.⁵⁰ Bãi bỏ.

⁴⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁴⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁴⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁴⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁵⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Mục 3
CHẾ BẢN, IN, GIA CÔNG SAU IN CHO NƯỚC NGOÀI
VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC CỦA CÁC CƠ SỞ IN

Điều 23. Chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài⁵¹

1. Khi trực tiếp nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài (không hiện diện tại Việt Nam), cơ sở in thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đứng đầu cơ sở in phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của sản phẩm in;

b) Chỉ nhận chế bản, in, gia công sau in loại sản phẩm in ghi trong giấy phép hoạt động in hoặc nội dung đã được xác nhận đăng ký hoạt động in;

c) Có hợp đồng với tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in. Trong hợp đồng phải thể hiện thông tin về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nước ngoài có sản phẩm đặt chế bản, in, gia công sau in; thông tin về tên, loại sản phẩm in, số lượng in, địa điểm sản xuất, thời gian xuất khẩu, tên cửa khẩu xuất khẩu, quốc gia nhập khẩu sản phẩm in và các thông tin khác có liên quan;

d) Cập nhật thông tin của sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in vào “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in”;

đ) Trường hợp nhận chế bản, in, gia công sau in sản phẩm là báo, tạp chí, tờ rời, tờ gấp và các sản phẩm in khác có nội dung về chính trị, lịch sử, địa lý, tôn giáo, địa giới hành chính Việt Nam, chủ quyền quốc gia, cơ sở in phải có văn bản khai báo đầy đủ, chính xác thông tin về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt chế bản, in, gia công sau in; thông tin về tên, loại sản phẩm in, số lượng in, địa điểm sản xuất, cửa khẩu xuất khẩu sản phẩm in. Văn bản khai báo gửi qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in cấp tỉnh nơi cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in chậm nhất 01 ngày sau khi có hợp đồng quy định tại điểm c khoản này;

e) Xuất khẩu 100% sản phẩm in ra nước ngoài.

2. Khi nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài (không hiện diện tại Việt Nam) thông qua tổ chức, cá nhân trung gian tại Việt Nam, cơ sở in thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân trung gian đặt chế bản, in, gia công sau in cung cấp hồ sơ hải quan thể hiện việc xuất khẩu 100% số lượng sản phẩm in để lưu giữ tại cơ sở in trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày xuất khẩu.

⁵¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

3. Việc nhận chế bản, in, gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam phải tuân thủ quy định tại Nghị định này như đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam.

4. Tổ chức, cá nhân có hợp đồng in với cơ sở in chịu trách nhiệm về bản quyền của sản phẩm đặt in.

5. Trường hợp có nhu cầu phát hành hoặc sử dụng sản phẩm in tại Việt Nam, cơ sở in hoặc tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Điều 24.⁵² Bãi bỏ.

Mục 4

CƠ SỞ DỊCH VỤ PHOTOCOPY

Điều 25. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

1. Chậm nhất 10 ngày trước khi hoạt động, cơ sở dịch vụ photocopy phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Việc khai báo hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy thực hiện theo quy định sau đây:

a)⁵³ Cơ sở dịch vụ photocopy gửi tờ khai qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tờ khai được lập thành 02 (hai) bản theo mẫu quy định.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã khai báo, cơ sở dịch vụ photocopy phải gửi tờ khai thay đổi thông tin theo mẫu quy định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật thông tin trong tờ khai vào cơ sở dữ liệu của cơ quan mình để quản lý.

5.⁵⁴ Bãi bỏ.

⁵² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁵³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁵⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

Điều 26. Trách nhiệm của cơ sở dịch vụ photocopy

1. Thực hiện khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.
2. Hoạt động đúng địa điểm đã khai báo.
3. Chấp hành các yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước.
4. Xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan đến hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy và chấp hành việc giải trình, báo cáo đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.
5. Báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi phát hiện giấy tờ, tài liệu nhận photocopy có nội dung vi phạm khoản 1 Điều 9 Nghị định này.
6. Tuân thủ quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; người đứng đầu cơ sở dịch vụ photocopy phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy.

Mục 5

NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG THIẾT BỊ IN

Điều 27. Nhập khẩu thiết bị in⁵⁵

1. Thiết bị in quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này, trước khi nhập khẩu, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải khai báo với Bộ Thông tin và Truyền

⁵⁵ Điểm b khoản 1 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; khoản 3 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; điểm a, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018; Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

thông theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này (trừ máy in phun, máy in laser đơn màu hoặc đa màu có tốc độ in từ 60 tờ/phút (khổ A4) trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống và máy in kim).

2. Tiêu chí nhập khẩu đối với các thiết bị in như sau:

a) Đối với các thiết bị in quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị định này, tuổi thiết bị không vượt quá 10 năm;

b) Đối với các thiết bị in quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 2 Nghị định này, tuổi thiết bị không vượt quá 20 năm;

c) Đối với các thiết bị in quy định tại điểm d khoản 5 Điều 2 Nghị định này, tuổi thiết bị không vượt quá 03 năm.

Điều 28. Thủ tục khai báo nhập khẩu thiết bị in⁵⁶

1. Hồ sơ khai báo gửi Bộ Thông tin và Truyền thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Hồ sơ khai báo nhập khẩu thiết bị in gồm tờ khai nhập khẩu thiết bị in theo mẫu quy định và tài liệu thể hiện thông số kỹ thuật và công nghệ chế bản, in và gia công sau in của từng loại thiết bị.

3. Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in; trường hợp không cấp giấy xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

⁵⁶ Khoản 1 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; khoản 3 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều này bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu thiết bị in⁵⁷

1. Nhập khẩu đúng với nội dung ghi trong giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in.
2. Tuân thủ quy định về nhập khẩu thiết bị in tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhập khẩu thiết bị in.

Điều 30. Quản lý sử dụng thiết bị in⁵⁸

1. Thiết bị in chỉ được sử dụng để sản xuất, kinh doanh khi cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in hoặc được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in; cơ sở dịch vụ photocopy đã khai báo hoạt động dịch vụ photocopy.
2. Đối với máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu phải khai báo trước khi sử dụng. Hồ sơ khai báo là tờ khai sử dụng máy theo mẫu quy định. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ khai báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
3. Tổ chức, cá nhân sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu đã khai báo, khi thanh lý phải có văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in nơi đã khai báo.

⁵⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁵⁸ Khoản 2, khoản 3 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; khoản 5, khoản 6 Điều này được bổ sung vào sau khoản 4 Điều này theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 và được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; khoản 4 Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018; Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵⁹

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.
2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, văn bản quy phạm pháp luật sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị định số 105/2007/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm;

⁵⁹ Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản được chế bản, in, gia công sau in các loại sản phẩm quy định tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và không phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động in, đăng ký hoạt động in.

2. Cơ sở in đã nhận chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in (đã có hợp đồng hoặc phiếu đặt in) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

3. Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành thủ tục nhập khẩu phải tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 4 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trong hoạt động in trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả được tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in để hoàn thành.

b) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở in là chi nhánh phải làm thủ tục cấp giấy phép hoạt động in, xác nhận đăng ký hoạt động in.”

b) Nghị định số 72/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 và Nghị định số 105/2007/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm.

Điều 32. Quy định chuyển tiếp

1.⁶⁰ Bãi bỏ;

2. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải làm thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in; hoàn thành việc đăng ký, khai báo hoạt động theo quy định sau đây:

a) Đối với cơ sở in có giấy phép hoạt động in phải làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2015;

b) Đối với cơ sở in không thuộc loại phải có giấy phép hoạt động in và cơ sở dịch vụ photocopy phải hoàn thành việc đăng ký, khai báo hoạt động chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2015.

Trong thời gian thực hiện các quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy vẫn được tiếp tục hoạt động.

3. Cơ sở in quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện về hoạt động của cơ sở in, trừ điều kiện về mặt bằng quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

4.⁶¹ Bãi bỏ.

⁶² Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở in là chi nhánh phải làm thủ tục cấp giấy phép hoạt động in, xác nhận đăng ký hoạt động in.

⁶⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁶¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

⁶² Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. /

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤTSố: *02* /VBHN-BTTTTHà Nội, ngày *01* tháng *3* năm 2023**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Công Thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, PC, CXBIPH(3b).

**BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Mạnh Hùng**

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP
ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ)*

| | |
|------------|--|
| Mẫu số 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in |
| Mẫu số 02 | Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in |
| Mẫu số 03 | Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in |
| Mẫu số 04 | Tờ khai nhập khẩu thiết bị in |
| Mẫu số 05 | Tờ khai sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu |
| Mẫu số 06 | Giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in |
| Mẫu số 07 | Giấy phép hoạt động in |
| Mẫu số 08 | Tờ khai đăng ký hoạt động in |
| Mẫu số 09 | Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in |
| Mẫu số 10 | Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in |
| Mẫu số 11 | Tờ khai hoạt động dịch vụ photocopy |
| Mẫu số 12 | Tờ khai thay đổi thông tin hoạt động dịch vụ photocopy |
| Mẫu số 13 | Báo cáo hoạt động in |
| Mẫu số 14 | Báo cáo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy |
| Mẫu số 15a | Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động in |
| Mẫu số 15b | Biểu tổng hợp báo cáo số liệu hoạt động in |
| Mẫu số 15c | Biểu tổng hợp báo cáo danh mục cơ sở in |

TÊN ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động in

Kính gửi:¹

1. Tên đơn vị đề nghị cấp phép:²
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Email:
4. Mã số doanh nghiệp:
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số
ngày tháng năm , nơi cấp³
6. Thông tin cơ sở in đề nghị cấp phép
Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng pháp luật, đơn vị làm đơn này đề
nghị quý cơ quan xem xét cấp giấy phép hoạt động in với các thông tin sau:
 - Tên cơ sở in/chi nhánh:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Email:
 - Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
 - Điện thoại:..... Email:
 - Họ tên người đứng đầu cơ sở in/chi nhánh: Căn cước công dân:
Số ... ngày tháng ... năm ... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:.....
 - Chức vụ:
 - Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
 - Nội dung đề nghị được cấp phép hoạt động chế bản/in/gia công sau in:
.....⁴
 - Mục đích hoạt động:.....⁵
7. Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

⁽¹⁾ Mẫu số 01 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

| STT | Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ) | Hãng sản xuất | Model | Số định danh thiết bị (Số máy) | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Số lượng (chiếc) | Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư) | Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in) | Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị |
|-----|--|---------------|-------|-----------------------------------|---------------|--------------|---------------------|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

8. Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:
6

.....
Cơ sở in xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

² Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

³ Chỉ ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp của quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

⁴ Ghi tên từng loại sản phẩm in đề nghị cấp giấy phép (Ví dụ: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác; tem chống giả...).

⁵ Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

⁶ Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng ...

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép hoạt động in

Kính gửi:¹

1. Tên đơn vị đề nghị:²
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Email:
4. Mã số doanh nghiệp:
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số
ngày..... tháng năm, nơi cấp³
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số..... ngày..... tháng
.....nămcủa

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin (làm mất, hỏng...) giấy phép hoạt động in, để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đơn vị làm đơn này đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin sau:

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Email:
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại:..... Email:
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in/chi nhánh: Căn cước công dân:
Số ... ngày..... tháng ... năm ...nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:.....
- Chức vụ:

⁽¹⁾ Mẫu số 02 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):

- Nội dung đề nghị được cấp phép hoạt động chế bản/in/gia công sau in: ⁴

.....

- Mục đích hoạt động:..... ⁵

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

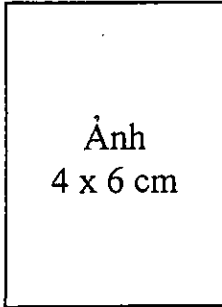
¹ Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

² Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

³ Chỉ ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp của quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

⁴ Ghi tên từng loại sản phẩm in đề nghị cấp giấy phép (Ví dụ: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác; tem chống giả...).

⁵ Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(của người đứng đầu cơ sở in)

1. Họ và tên Bí danh:
2. Ngày, tháng, năm sinh: Nam, nữ:
3. Quê quán:
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có):
6. Căn cước công dân: Số ngày tháng năm ... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
7. Dân tộc: Tôn giáo: Quốc tịch:
8. Tình trạng sức khỏe hiện nay:
9. Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:
10. Trình độ chính trị:
11. Chức vụ trong cơ sở in:
12. Tên cơ sở in/chi nhánh:
13. Ngành, nghề kinh doanh về in:

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ? | Địa chỉ ở đâu? |
|------------------------------|--|----------------|
| | | |
| | | |

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ¹ ngày tháng năm

Người khai ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập.

^(III) Mẫu số 03 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHAI BÁO NHẬP KHẨU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI

Nhập khẩu thiết bị in¹

Kính gửi:.....²

1. Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:..... Email:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ... ngày... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:³
2. Thông tin thiết bị nhập khẩu:
 - Tên máy (Tiếng Việt): Tiếng Anh (nếu có):
 - Tên hãng:
 - Model:
 - Số định danh máy (số máy):⁴
 - Nước sản xuất: Năm sản xuất:
 - Số lượng:⁵
 - Chất lượng:⁶
 - Đặc tính kỹ thuật, công nghệ sử dụng:
 - Khuôn khổ bản in hoặc bản photo lớn nhất:
 - Tốc độ in hoặc photo lớn nhất:
 - Giá trị thiết bị (đơn vị tính: đồng Việt Nam):⁷
3. Mục đích nhập khẩu:.....⁷
4. Địa chỉ đặt máy lần đầu:⁸

Đơn vị (tôi) cam kết khai báo thông tin thiết bị in nhập khẩu trên đây là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên nếu là tổ chức
hoặc ký, ghi rõ họ tên nếu là cá nhân)

Ghi chú: Mẫu Tờ khai này dùng để xây dựng trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia và được dùng để khai bằng bản giấy khi hệ thống Cổng Thông tin một cửa quốc gia có sự cố.

¹ Bao gồm cả máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (đa chức năng).

² Ghi tên cơ quan nhận tờ khai.

³ Nội dung này chỉ ghi khi đối tượng nhập khẩu là cá nhân.

⁴ Ghi từng số định danh của mỗi máy (mỗi máy có một số riêng, không trùng nhau).

⁵ Mới 100% hoặc đã qua sử dụng.

⁶ Ghi công nghệ chế bản/in/gia công sau in (Ví dụ: ghi kềm, in offset, flexo, ống đồng, laser, phun...).

⁷ Ghi phục vụ sản xuất của công ty hoặc kinh doanh (để bán) hoặc phục vụ công việc nội bộ của tổ chức hoặc phục vụ học tập, nghiên cứu của cá nhân.

⁸ Ghi rõ: tên và địa chỉ công ty, chi nhánh, kho hàng... nơi đặt thiết bị.

^(IV) Mẫu số 04 được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHAI BÁO SỬ DỤNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI

Sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu

Kính gửi:¹

1. Tên tổ chức, cá nhân khai báo sử dụng máy:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Email:.....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ...
ngày.... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:²
- Thông tin thiết bị khai báo:
- Tên máy:.....Tên hãng:.....
- Model:.....
- Số định danh máy (số máy):.....³
- Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
- Đặc tính kỹ thuật, công nghệ:.....
- Khuôn khổ bản in, photo lớn nhất:.....⁴
2. Mục đích sử dụng:.....
3. Địa chỉ đặt máy:.....

Đơn vị (tôi) cam kết khai báo thông tin của máy trên đây là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên nếu là tổ chức
hoặc ký, ghi rõ họ tên nếu là cá nhân)

¹ Ghi tên cơ quan nhận tờ khai.

² Nội dung này chỉ ghi khi đối tượng nhập khẩu là cá nhân.

³ Ghi từng số định danh của mỗi máy (mỗi máy có một số riêng, không trùng nhau).

⁴ Ghi rõ: phục vụ sản xuất của công ty hoặc phục vụ công việc nội bộ của cơ quan, tổ chức hoặc phục vụ học tập, nghiên cứu của cá nhân.

^(V) Mẫu số 05 được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/XN-¹

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY XÁC NHẬN
Khai báo nhập khẩu thiết bị in

.....²

Căn cứ Nghị định số.....

Căn cứ.....

Xét thông tin tại Tờ khai số..... ngày.... tháng năm... của.....

XÁC NHẬN:

1. Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

Thông tin thiết bị nhập khẩu:

Tên máy (Tiếng Việt): Tiếng Anh (nếu có):

Tên hãng:

Model:

Số định danh máy (số máy):³Nước sản xuất: Năm sản xuất:⁴Số lượng:⁵Chất lượng:⁶

2. Mục đích nhập khẩu:.....

3. Địa chỉ đặt máy lần đầu:

Giấy xác nhận này để làm thủ tục thông quan và có giá trị đến khi thực hiện thông quan xong hàng hóa./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu Giấy xác nhận này dùng để xây dựng trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia và bản giấy Giấy xác nhận này chỉ được dùng trong trường hợp hệ thống khai báo trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia có sự cố.

¹ Chữ viết tắt của cơ quan xác nhận.² Ghi tên chức vụ và tên cơ quan xác nhận khai báo.³ Ghi từng số của mỗi máy (mỗi máy có một số riêng, không trùng nhau).⁴ Mới 100% hoặc đã qua sử dụng.⁵ Ghi rõ: phục vụ sản xuất của công ty hoặc kinh doanh (để bán) hoặc phục vụ công việc nội bộ của tổ chức hoặc phục vụ học tập, nghiên cứu của cá nhân.⁶ Ghi rõ: tên và địa chỉ công ty, chi nhánh, kho hàng... nơi đặt thiết bị.

^(VI) Mẫu số 06 được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ GP-¹

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG IN

.....²

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ

Căn cứ

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in của

CHO PHÉP:

1. Cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Họ tên người đứng đầu:
- Căn cước công dân: Số....ngày....tháng.... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
2. Được phép:.....³
3. Giấy phép hoạt động in này thay thế cho Giấy phép hoạt động in số....., ngày..... tháng..... năm.....⁴

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

¹ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp phép.

² Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy phép theo quy định của pháp luật.

³ Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

⁴ Sử dụng trong trường hợp cấp lại giấy phép hoạt động in.

^(VII) Mẫu số 07 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI

Đăng ký hoạt động in

Kính gửi:¹

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại: Email:
- Mã số doanh nghiệp:
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số
ngày tháng năm, nơi cấp
- Điện thoại: Email:
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số
ngày tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in²
- Mục đích hoạt động³
- Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

| STT | Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ) | Hãng sản xuất | Model | Số định danh thiết bị (Số máy) | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Số lượng (chiếc) | Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư) | Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in) | Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị |
|-----|--|---------------------|-------|---|---------------------|--------------------|------------------------|---|--|--|
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

^(VIII) Mẫu số 08 được sửa đổi bởi điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:

.....⁴

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

² Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa...).

³ Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

⁴ Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI**Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in**Kính gửi:.....¹**I. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐÃ KHAI BÁO²**

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại:..... Email:
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ngày...tháng ...
nơi cấp
- Điện thoại: Email:
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số
ngày... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in
- Mục đích hoạt động:.....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

| STT | Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ) | Hãng sản xuất | Model | Số định danh thiết bị (Số máy) | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Số lượng (chiếc) | Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư) | Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in) | Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị |
|-----|--|---------------------|-------|---|---------------------|--------------------|------------------------|---|--|---|
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

^(IX) Mẫu số 09 được sửa đổi bởi điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)³

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:..... Email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ngày tháng nơi cấp
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại: Email:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ... ngày... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in :.....
- Mục đích hoạt động:
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

| STT | Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ) | Hãng sản xuất | Model | Số định danh thiết bị (Số máy) | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Số lượng (chiếc) | Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư) | Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in) | Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị |
|-----|--|---------------|-------|-----------------------------------|---------------|--------------|---------------------|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

² Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

³ Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY XÁC NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ GP-¹

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

.....²

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ

Căn cứ

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Họ tên người đứng đầu:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số
ngày ... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
2. Được xác nhận:.....³
3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày.....
tháng năm.....⁴

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

¹ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

² Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

³ Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

⁴ Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

^(X) Mẫu số 10 Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in được bổ sung bởi điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

TỜ KHAI
Hoạt động dịch vụ photocopy

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp huyện).....¹

1. Tên cơ sở dịch vụ photocopy:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Email:
2. Họ tên người đứng đầu cơ sở dịch vụ photocopy:²
- Địa chỉ nơi thường trú:
- Điện thoại:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ngày.... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
3. Mã số doanh nghiệp:.....
4. Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở dịch vụ photocopy:
5. Danh mục thiết bị:

| STT | Tên máy móc, thiết bị | Nước sản xuất, năm sản xuất | Hãng sản xuất | Model và Số định danh của máy | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------|---------------|-------------------------------|----------|---------|
| | | | | | | |

6. Cơ sở dịch vụ photocopy cam kết tính chính xác nội dung khai trên đây và chấp hành đúng các quy định pháp luật về hoạt động của dịch vụ photocopy./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức); chữ ký (nếu là cá nhân)

¹ Ghi tên Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã.

² Người đại diện theo pháp luật.

^(X) Mẫu số 11 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

TỜ KHAI

Thay đổi thông tin hoạt động dịch vụ photocopy

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp huyện)¹

I. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐÃ KHAI BÁO

1. Tên cơ sở dịch vụ photocopy:.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email:
2. Họ tên người đứng đầu cơ sở dịch vụ photocopy:
- Địa chỉ nơi thường trú:
- Điện thoại:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số
ngày.... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
3. Mã số doanh nghiệp:.....
4. Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở dịch vụ photocopy:
5. Danh mục thiết bị:

| STT | Tên máy móc, thiết bị | Nước sản xuất, năm sản xuất | Hãng sản xuất | Model và Số định danh của máy | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------------------------|----------|------------|
| | | | | | | |

II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)

1. Tên cơ sở dịch vụ photocopy:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email:

^(XII) Mẫu số 12 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Họ tên người đứng đầu cơ sở dịch vụ photocopy:
- Địa chỉ nơi cư trú:
- Điện thoại:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ...
ngày... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
3. Mã số doanh nghiệp:.....
4. Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở dịch vụ photocopy:.....
5. Danh mục thiết bị:

| STT | Tên máy móc, thiết bị | Nước sản xuất, năm sản xuất | Hãng sản xuất | Model và Số định danh của máy | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------------------------|-------------|------------|
| | | | | | | |

6. Cơ sở dịch vụ photocopy cam kết tính chính xác nội dung khai trên và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là cơ quan,
tổ chức); chữ ký (nếu là cá nhân)*

¹ Ghi tên Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã.

Tên cơ sở in:.....
 Địa chỉ.....
 Điện thoại:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
, ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG IN¹

Năm

Kính gửi:²

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG IN

Tổng kết hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, nguồn nhân lực; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc của cơ sở in.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

III. BÁO CÁO SỐ LIỆU (Tính từ ngày 01/01/năm... đến 31/12/năm.....)

| STT | Tên mục | | Đơn vị tính | Số lượng | | So sánh (tăng, giảm %) | Ghi chú |
|-----|---|----------------------|-----------------|----------------------|----------------|------------------------------|---------|
| | | | | Năm trước liên kê | Năm báo cáo | | |
| 1 | Tổng số lao động | Nam | Người | | | | |
| | | Nữ | Người | | | | |
| 2 | Tổng doanh thu | | Triệu đồng | | | | |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | | Triệu đồng | | | | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | | Triệu đồng | | | | |
| 5 | Thu nhập bình quân (người/tháng) | | Triệu đồng | | | | |
| 6 | Tổng giá trị tài sản đầu tư | Thiết bị | Triệu đồng | | | | |
| | | Nhà xưởng | Triệu đồng | | | | |
| 7 | Tỷ trọng cơ cấu sản phẩm theo doanh thu | In xuất bản phẩm | Tỷ lệ phần trăm | | | | |
| | | In bao bì, nhãn hàng | Tỷ lệ phần trăm | | | | |
| | | In các sản phẩm khác | Tỷ lệ phần trăm | | | | |

Người lập báo cáo
 (Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Báo cáo này dùng cho cơ sở in báo cáo năm.

² Ghi tên cơ quan đã cấp Giấy phép hoạt động in hoặc Giấy xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in.

^(XIII) Mẫu số 13 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ DỊCH VỤ PHOTOCOPY

Năm.....

(Tính từ 01/01 đến 31/12 của năm báo cáo)

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Tờ khai hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy gửi Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã) ngày tháng năm

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ DỊCH VỤ PHOTOCOPY

1. Tổng số lao động: người

2. Tổng số thiết bị (từng loại):

- Máy photocopy: cái

- Máy in: cái

3. Các sản phẩm doanh nghiệp nhận photocopy

a) Xuất bản phẩm là sách:%;

b) Tài liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân:%;

c) Các giấy tờ hành chính:%;

d) Giấy tờ khác:%;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

^(XIV) Mẫu số 14 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Công tác quản lý nhà nước về hoạt động in****Năm.....**Kính gửi:¹**I. SƠ LƯỢC TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG IN**

Sơ lược chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh, chấp hành các quy định của pháp luật của các cơ sở in trên địa bàn (có báo cáo số liệu tổng hợp theo mẫu 15b và mẫu 15c).....

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG IN

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
.....
2. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật
.....
3. Công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực in (có báo cáo số liệu cụ thể về số lượng cấp phép, đăng ký, xác nhận)
.....
4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm (có báo cáo số liệu cụ thể)
.....
5. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in tại địa phương.
.....
6. Các công tác khác phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động in trên địa bàn
.....

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

GIÁM ĐỐC*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- Kèm theo biểu báo cáo số liệu 15b, 15c.
- Mẫu này dùng cho việc lập báo cáo tổng hợp hoạt động in của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương.

¹ Ghi tên cơ quan quản lý hoạt động in ở trung ương.

^(XV) Mẫu số 15a được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Mẫu số 15b^(XVI)

Kính gửi:

BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG IN NĂM.....

(Tính từ ngày 01/01/năm..... đến 31/12/năm.....)

| STT | Tên mục | | Đơn vị tính | Số lượng | | So sánh (tăng, giảm %) | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|-----------------|----------------------|----------------|------------------------------|-----------------------|
| | | | | Năm trước liên kề | Năm báo cáo | | |
| 1 | Tổng số cơ sở in (cơ sở in của địa phương) | Đã cấp giấy phép hoạt động in | Cơ sở in | | | | Kèm danh mục cơ sở in |
| | | Đã xác nhận đăng ký hoạt động in | Cơ sở in | | | | Kèm danh mục cơ sở in |
| 2 | Tổng số cơ sở photocopy đã khai báo | | Cơ sở photocopy | | | | |
| 3 | Tổng số lao động | Nam | Người | | | | |
| | | Nữ | Người | | | | |
| 4 | Tổng doanh thu | | Triệu đồng | | | | |
| 5 | Tổng nộp ngân sách nhà nước | | Triệu đồng | | | | |
| 6 | Tổng lợi nhuận sau thuế | | Triệu đồng | | | | |
| 7 | Thu nhập bình quân (người/tháng) | | Triệu đồng | | | | |
| 8 | Tổng giá trị tài sản đầu tư | Thiết bị | Triệu đồng | | | | |
| | | Nhà xưởng | Triệu đồng | | | | |
| 9 | Tỷ trọng cơ cấu sản phẩm theo doanh thu | In xuất bản phẩm | Tỷ lệ phần trăm | | | | |
| | | In bao bì, nhãn hàng | Tỷ lệ phần trăm | | | | |
| | | In các sản phẩm khác | Tỷ lệ phần trăm | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Mẫu này dùng cho việc lập báo cáo tổng hợp hoạt động in của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương. Số liệu là tổng của các cơ sở in ở địa phương báo cáo (không thống kê cơ sở in ở trung ương đóng trên địa bàn).

¹ Ghi tên cơ quan quản lý hoạt động in ở trung ương.

^(XVI) Mẫu số 15b được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Kính gửi:

BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO DANH MỤC CƠ SỞ IN**I. TRƯỚC NĂM BÁO CÁO**

| STT | Tên cơ sở in | Địa chỉ trụ sở chính và chi nhánh (xưởng sản xuất) | Điện thoại | Nội dung hoạt động được cấp phép, xác nhận | Họ và tên người đứng đầu (Giám đốc.....). Điện thoại | Loại hình hoạt động | Cơ quan chủ quản (nếu có) | Số Giấy phép hoặc số Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in, ngày tháng năm cấp phép, xác nhận | Người ký Giấy phép hoặc Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in |
|-----|--------------|--|------------|--|---|---------------------|---------------------------|--|--|
| | | | | | | | | | |

II. NĂM BÁO CÁO (Cấp mới)

| STT | Tên cơ sở in | Địa chỉ trụ sở chính và chi nhánh | Điện thoại | Nội dung hoạt động được cấp phép, xác nhận | Họ và tên người đứng đầu (Giám đốc.....). Điện thoại | Loại hình hoạt động | Cơ quan chủ quản (nếu có) | Số Giấy phép hoặc số Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in, ngày tháng năm cấp phép, xác nhận | Người ký Giấy phép hoặc Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in |
|-----|--------------|-----------------------------------|------------|--|---|---------------------|---------------------------|--|--|
| | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Mẫu này dùng cho việc lập báo cáo tổng hợp hoạt động in của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương. Số liệu là tổng của các cơ sở in ở địa phương báo cáo (không thống kê cơ sở in ở trung ương đóng trên địa bàn).

¹ Ghi tên cơ quan quản lý hoạt động in ở trung ương.

^(XVII) Mẫu số 15c được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in
có chức năng photocopy màu¹**

Kính gửi:²

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Fax: Email:

- Số ngày tháng năm nơi cấp CMND hoặc Hộ chiếu hoặc Căn cước công dân³

Đang sử dụng máy photocopy màu (hoặc máy in có chức năng photocopy màu):

Tên máy: Tên hãng:

Model:

Số định danh máy (số máy):

Nước sản xuất: Năm sản xuất:

Đặc tính kỹ thuật, công nghệ:

Khuôn khổ bản in, photo lớn nhất:

Máy đã đăng ký và được cấp giấy xác nhận số: ngày tháng năm của

Nay không còn nhu cầu sử dụng nên đã làm thủ tục chuyển nhượng cho đơn vị khác theo hợp đồng số: ngày tháng năm

Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

^(XVIII) Mẫu Đơn đề nghị chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu bị bãi bỏ bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

- Số ngày tháng năm nơi cấp
 CMND hoặc Hộ chiếu hoặc Căn cước
 công dân³

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận để tổ chức, cá nhân sử dụng
 mới được đăng ký sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG⁴ (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên hoặc ký,
 ghi rõ họ tên nếu là cá nhân)

- Đồng ý:

- Không đồng ý: ⁵

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tùy theo loại máy để ghi (máy photocopy màu hoặc máy in có chức năng photocopy màu).

² Ghi tên cơ quan xác nhận.

³ Nội dung này chỉ ghi khi đối tượng nhập khẩu là cá nhân.

⁴ Đánh dấu (x) vào ô vuông để xác nhận hoặc không xác nhận

⁵ Không đồng ý xác nhận việc chuyển nhượng phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**TÊN CƠ QUAN
XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ XN-¹

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY XÁC NHẬN

Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu ²

.....³

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số:...../2018/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Xét đơn đề nghị đăng ký máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu ngày tháng năm của

XÁC NHẬN:

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng máy:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Fax: Email:
- Số ngày tháng năm nơi cấp . CMND hoặc Hộ chiếu hoặc Căn cước công dân⁴

Đã đăng ký sử dụng máy:

Tên máy:..... Tên hãng:

Model:

Số định danh máy (số máy):

.....

Nước sản xuất: Năm sản xuất:

Đặc tính kỹ thuật, công nghệ:

.....

Khuôn khổ bản in, photo lớn nhất:

^(XIX) Mẫu Giấy xác nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu bị bãi bỏ bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Được nhập khẩu theo giấy phép: số ngày... tháng năm
 của

2. Mục đích sử dụng:.....⁵

3. Địa chỉ đặt máy:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

¹ Chữ viết tắt tên cơ quan xác nhận.

² Tùy theo loại máy để ghi (máy photocopy màu hoặc máy in có chức năng photocopy màu).

³ Ghi chức vụ và tên cơ quan xác nhận.

⁴ Nội dung này chỉ ghi khi đối tượng nhập khẩu là cá nhân.

⁵ Ghi rõ: Phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ công việc nội bộ của tổ chức, cá nhân (không kinh doanh).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

PHIẾU ĐẶT IN¹

- Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt in:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số ngày tháng năm nơi cấp CMND hoặc Hộ chiếu hoặc Căn cước công dân²
- Đặt chế bản, in, gia công sau in ấn phẩm:
- Tên ấn phẩm:
- Khuôn khổ:
- Số trang hoặc số tờ:
- Số lượng hoặc khối lượng:
- Tên cơ sở nhận in:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .. ngày ... tháng năm do cấp.
- Giấy phép hoạt động in hoặc giấy đăng ký hoạt động in số: ngày tháng năm do cấp.
- Phiếu đặt in lập thành 02 bản, cơ sở in giữ 01 bản để lưu hồ sơ, 01 bản gửi người đặt in./.

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NHẬN IN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẶT IN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu
nếu là cơ quan, tổ chức)

¹ Phiếu đặt in chỉ dùng để áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

² Nội dung này chỉ ghi khi đối tượng đặt in là cá nhân.

³ Đối với ấn phẩm của cơ quan, tổ chức thì phải có giấy tờ hợp pháp chứng minh kèm phiếu đặt in.

^(XX) Mẫu Phiếu đặt in bị bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Mẫu 15a: **Bìa số**^(XXI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số ban hành kèm theo
 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP
 ngày 28/02/2018

SỐ

GHI CHÉP, QUẢN LÝ ẢN PHẨM
NHẬN CHẾ BẢN, IN VÀ GIA CÔNG SAU IN
(Dùng cho cơ sở chế bản in và gia công sau in)

TÊN CƠ SỞ CHẾ BẢN, IN VÀ GIA CÔNG SAU IN

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ

ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT

QUYÊN SỐ:

Từ ngày..... tháng năm

Đến ngày..... tháng năm

^(XXI) Mẫu Bìa số ghi chép, quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in gia công sau in bị bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Mẫu 15b: Ruột số^(XXII)

| Số TT | NGƯỜI ĐẾN ĐẶT CHẾ BẢN, IN, GIA CÔNG SAU IN | | ẤN PHẨM NHẬN CHẾ BẢN, IN, GIA CÔNG SAU IN | | | | GIẤY PHÉP HOẶC QUYẾT ĐỊNH XUẤT BẢN (Số, ngày, tháng, năm đơn vị cấp) | HỢP ĐỒNG IN hoặc PHIẾU ĐẶT IN (Số, ngày, tháng, năm) | HÓA ĐƠN BÁN HÀNG (Số, ngày, tháng, năm) | NGÀY GIAO HÀNG |
|-------|--|--|---|-----------|----------|----------|--|--|---|----------------|
| | HỌ VÀ TÊN | Tên, địa chỉ cơ quan hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú (đối với cá nhân). | TÊN ẢN PHẨM | Khuôn khổ | Số trang | Số lượng | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

^(XXII) Mẫu Ruột số ghi chép, quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in gia công sau in bị bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.